

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2018/DSST

Ngày 15/11/2018

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK
Với thành phần Hội đồng xét xử:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà H Mi Chan Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 314/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2018/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2018/QĐST-DS ngày 29/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Bùi Hoàng K.

Trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: Ông Đặng Đức H, bà Bùi Thị T.

Trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 1. Anh Đặng Anh V.

Trú tại: Đường B, phường X, quận K, Tp. Hồ Chí Minh; vắng mặt.

2. Chị Đặng Ngọc Anh T.

Địa chỉ: Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Chị Đặng Anh H.

Trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Chị T, Anh V, chị H ủy quyền cho bà Bùi Thị T tham gia tố tụng.

(Giấy ủy quyền ngày 28/11/2017, ngày 23/11/2017 và ngày 24/11/2017)

4. Chị Nguyễn Thị L

Trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Chị L có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt)

5. Chị Trần Thị Mỹ D

Trú tại: Thôn A, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
(Chị D có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bùi Hoàng K trình bày:

Tôi là cháu ruột cô Bùi Thị T. Bố tôi mất từ lúc tôi 3 tuổi, mẹ đi lấy chồng khác nên tôi mồ côi từ đó. Trong năm 1987, tôi đến ở với cô T, cô T nuôi nấng tôi ăn học. Tôi học đến lớp 8 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp cô T làm rẫy nuôi các em là con cô T và dưỡng H (V, H, T) ăn học.

Năm 2006, cô T, dưỡng H và các con là Đặng Ngọc Anh T, Đặng Anh V và Đặng Anh H tặng cho tôi 01 lô đất diện tích 162m², chiều ngang 6m, chiều dài 27m để tôi làm nhà ở. Lô đất nằm trong diện tích đất có giấy CNQSD đất số D0443942, thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04 tại thôn 8, xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột, do UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 28/11/1995. Vị trí tứ cận: Phía đông giáp đất gia đình ông H, bà T; phía tây giáp đất ông Bùi Hoàng K; phía nam giáp đường liên thôn; phía bắc giáp đất còn lại của gia đình ông H, bà T.

Việc tặng cho có lập giấy tặng cho tài sản quyền sử dụng đất, có sự đồng ý của tất cả các T viên gia đình ông H, bà T và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột.

Sau khi được tặng cho, tôi đã làm nhà và sinh sống ổn định từ đó đến nay. Hai năm sau khi được tặng cho, tôi đã yêu cầu ông H, bà T và gia đình làm thủ tục tặng cho, tách thửa và đăng ký QSD đất cho tôi theo quy định của pháp luật nhưng ông H, bà T và gia đình không tiến hành vì lúc đó điều kiện kinh tế còn khó khăn. Tuy nhiên đến nay ông H, bà T và gia đình không tiến hành các thủ tục cho tôi.

Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu ông H, bà T và gia đình phải có nghĩa vụ tiến hành thủ tục tặng cho, tách thửa và đăng ký QSD đất cho tôi theo quy định của pháp luật đối với lô đất trên.

- Theo bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Đức H, bà Bùi Thị T trình bày:

Chúng tôi hoàn toàn thừa nhận lời trình bày của anh K là đúng sự thật. Anh Bùi Hoàng K là cháu ruột của tôi (T). Bố anh K chết vào năm 1981, lúc đó cháu K 3 tuổi. Đến khoảng năm 1988, mẹ anh K đi lấy chồng khác, nên anh K đến ở với vợ chồng tôi và vợ chồng tôi nuôi ăn học đến hết cấp 2 thì do anh K ham chơi nên nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Vợ chồng tôi đã động viên cháu K tiếp tục đi học nhưng anh K không chịu.

Năm 2000, anh K lấy vợ (vợ đầu, Trần Thị Mỹ D), vợ chồng tôi lo tổ chức đám cưới. Sau khi cưới, vợ chồng tôi chia cho 1,1 sào rẫy và 400m² đất ruộng để vợ chồng anh K ăn ở riêng. Đến năm 2006, vợ chồng tôi và các con đã cho anh K (cho riêng anh K, không cho vợ anh K) 01 lô đất diện tích 162m², chiều ngang 6m, chiều dài 27m để anh K làm nhà ở. Lô đất nằm trong diện tích đất của vợ chồng tôi, có

giấy CNQSD đất số D0443942, thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04 tại thôn 8, xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột, do UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 28/11/1995. Vị trí tứ cận: Phía đông giáp đất vợ chồng tôi; phía tây giáp đất ông Bùi Hoàng K; phía nam giáp đường liên thôn; phía bắc giáp đất ông còn lại của vợ chồng tôi.

Việc tặng cho ban đầu chỉ nói miệng, sau đó ông K mới lập 01 giấy tặng cho tài sản quyền sử dụng đất và tất cả các T viên gia đình tôi (vợ chồng tôi và các con) đồng ý và ký vào giấy tặng cho. Sau khi tất cả các T viên gia đình tôi ký tặng cho, ông K mới cầm giấy tặng cho lên xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột.

Sau khi được tặng cho, anh K làm 01 căn nhà xây cấp 4 trên đất và sinh sống ổn định từ đó đến nay. Đối với 1,1 sào rẫy và 400m² đất ruộng thì anh K đã bán.

Đến năm 2016, ông K mới yêu cầu gia đình tôi tiến hành thủ tục tặng cho, tách thửa và đăng ký quyền sử dụng đất cho tôi theo quy định của pháp luật đối với lô đất trên. Nhưng vợ chồng tôi và gia đình không đồng ý tiến hành thủ tục vì chúng tôi sợ nếu chúng tôi tiến hành thủ tục và anh K được cấp Giấy CNQSD đất thì anh K sẽ bán lô đất và như vậy thì anh K sẽ không còn đất để ở và sau này các con của anh K lớn lên cũng không có đất để ở, chứ chúng tôi không phải là không đồng ý cho anh K lô đất trên.

Nay anh K khởi kiện yêu cầu gia đình tôi tiến hành thủ tục tặng cho, tách thửa và đăng ký quyền sử dụng đất cho anh K theo quy định của pháp luật đối với lô đất trên thì ý kiến của vợ chồng tôi và gia đình là: Đồng ý tặng cho anh K lô đất trên, nhưng không đồng ý tiến hành thủ tục vì nếu chúng tôi tiến hành thủ tục và anh K được cấp Giấy CNQSD đất thì anh K sẽ bán lô đất và như vậy thì anh K sẽ không còn đất để ở và sau này các con của anh K lớn lên cũng không có đất để ở.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đặng Ngọc Anh T, anh Đặng Anh V và chị Đặng Anh H; người đại diện theo ủy quyền bà Bùi Thị T trình bày:

Chị Đặng Ngọc Anh T, anh Đặng Anh V và chị Đặng Anh H hoàn toàn đồng ý với lời trình bày và ý kiến của bố mẹ (ông H, bà T). Năm 2006, tất cả các T viên gia đình chúng tôi đã tặng cho anh K (cho riêng anh K, không cho vợ anh K) 01 lô đất diện tích 162m², chiều ngang 6m, chiều dài 27m để anh K làm nhà ở. Lô đất nằm trong diện tích đất của gia đình chúng tôi, có giấy CNQSD đất số D0443942, thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04 tại thôn 8, xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột, do UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 28/11/1995. Vị trí tứ cận: Phía đông giáp đất gia đình chúng tôi; phía tây giáp đất ông Bùi Hoàng K; phía nam giáp đường liên thôn; phía bắc giáp đất ông còn lại của gia đình chúng tôi.

Nay anh K khởi kiện yêu cầu gia đình chúng tôi tiến hành thủ tục tặng cho, tách thửa và đăng ký quyền sử dụng đất cho anh K theo quy định của pháp luật đối với lô đất trên thì ý kiến của chúng tôi và gia đình là: Đồng ý tặng cho anh K lô đất trên, nhưng không đồng ý tiến hành thủ tục vì nếu chúng tôi tiến hành thủ tục và anh K được cấp Giấy CNQSD đất thì anh K sẽ bán lô đất và như vậy thì anh K sẽ không còn đất để ở và sau này các con của anh K lớn lên cũng không có đất để ở.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Mỹ D trình bày:*

Tôi và anh K kết hôn vào năm 2000 và đã ly hôn vào ngày 29/3/2016. Trong quá trình chung sống, tôi và anh K chỉ tạo lập được 01 căn nhà xây cấp 4 (xây vào năm 2006), ngoài ra không có tài sản chung gì. Khi ly hôn, tôi và anh K đã tự thỏa thuận phân chia đối với căn nhà, nên chúng tôi không liên quan gì đến tài sản nữa. Năm 2006, gia đình ông H, bà T tặng cho anh K 01 lô đất diện tích 162m², chiều ngang 6m, chiều dài 27m. Việc tặng cho đất là giữa gia đình ông H, bà T và anh K; tặng cho riêng anh K, không liên quan gì đến tôi nên không có ý kiến và yêu cầu gì. Đồng thời, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt tôi.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Tôi và anh K kết hôn với nhau vào ngày 13/4/2017. Trước khi kết hôn, vợ chồng tôi có xây dựng 01 căn nhà gác lửng, mái thái, diện tích 150m², căn nhà tọa lạc trên lô đất diện tích 162m². Đây là lô đất do gia đình ông H, bà T tặng cho anh K vào năm 2006, do vậy đây là tài sản riêng của anh K. Nay tôi không có ý kiến và yêu cầu gì. Tôi đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn (ông H, bà T) và người đại diện cho người liên quan (bà T) đã không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn tố tụng có vi phạm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Việc tặng cho quyền sử dụng đất giữa anh K và gia đình ông H, bà T là có thật. Được chứng minh bằng Giấy tặng cho tài sản quyền sử dụng đất, có sự đồng ý của tất cả các T viên gia đình ông H, bà T và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột; cũng như sự thừa nhận của ông H, bà T và gia đình và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Việc tặng cho hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp; việc tặng cho không kèm theo điều kiện nào.

Sau khi được tặng cho, anh K đã làm nhà và sinh sống ổn định từ đó đến nay. Nay anh K yêu cầu ông H, bà T và gia đình thực hiện các thủ tục tặng cho, tách thửa để anh K kê khai đăng ký và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng ông H, bà T và gia đình không đồng ý với lý do nếu tiến hành thủ tục và anh K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì anh K sẽ bán lô đất và như vậy thì anh K sẽ không còn đất để ở và sau này các con của anh K lớn lên cũng không có đất để ở là không phù hợp, không có căn cứ, cơ sở để chấp nhận.

Vì vậy, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 722, Điều 723, Điều 724, Điều 725 và Điều 726 Bộ luật dân sự 2005; Điều 106, Điều 107 Luật đất đai 2003; Điều 119 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất

đai 2003: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông H, bà T và gia đình phải trả phải có tiền hành thủ tục tặng cho, tách thửa để anh K kê khai đăng ký và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật đối với lô đất trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên đây là “Tranh chấp về hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức H, bà Bùi Thị T; đại diện theo ủy quyền của người liên quan (bà T) đã không thực hiện đúng quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn, người liên quan tại Điều 70, Điều 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng ông H, bà T tham gia không đầy đủ, vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông H, bà T.

[3] Về yêu cầu của anh Bùi Hoàng K, Hội đồng xét xử nhận định: Năm 2006, ông Nguyễn Đức H, bà Bùi Thị T và các con là chị Đặng Ngọc Anh T, anh Đặng Anh V và chị Đặng Anh H có tặng cho anh Bùi Hoàng K 01 lô đất diện tích 162m², chiều ngang 6m, chiều dài 27m để anh K làm nhà ở. Lô đất nằm trong diện tích đất 3.190m², có Giấy CNQSD đất số D0443942, thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04 tại thôn 8, xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột, do UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 28/11/1995, đứng tên hộ ông Đặng Đức H. Lô đất anh K được tặng cho có vị trí tứ cận: Phía đông giáp đất còn lại của hộ ông H, bà T; phía tây giáp đất ông Bùi Hoàng K; phía nam giáp đường liên thôn; phía bắc giáp đất ông còn lại của ông H, bà T.

Việc tặng cho có lập Giấy tặng cho tài sản quyền sử dụng đất ngày 06/3/2006, được sự đồng ý của tất cả các T viên gia đình ông H, bà T và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột. Việc tặng cho quyền sử dụng đất không có kèm theo bất cứ điều kiện nào. Sau khi được tặng cho, anh K đã làm 01 căn nhà xây cấp 4 trên đất và sinh sống ổn định từ đó đến nay. Vì vậy, việc tặng cho trên là phù hợp với Điều 467 Bộ luật dân sự 2005.

Tại biên bản xác minh ngày 01/8/2018, Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng cũng xác nhận: Ngày 22/3/2006, Ủy ban nhân dân xã Hòa Thắng có xác nhận nội dung

vào Giấy cho tài sản quyền sử dụng đất giữa bà Bùi Thị T, ông Đặng Đức H và các con và ông Bùi Hoàng K đối với diện tích 162m² đất cà phê, thửa số 151, tờ bản đồ số 04, Giấy CNQSD đất số D0443942.

Xét giao dịch tặng cho quyền sử dụng đất giữa gia đình ông H, bà T với anh K là tự nguyện, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 722, Điều 723 Bộ luật dân sự 2005 và Điều 119 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai 2003.

Xét ý kiến của bị đơn ông H, bà T và người liên quan chị T, anh V và chị H: Đồng ý tặng cho anh K lô đất trên, nhưng không đồng ý tiến hành thủ tục tách thửa và đăng ký QSD đất cho anh K, vì nếu tiến hành thủ tục và anh K được cấp giấy CNQSD đất thì anh K sẽ bán lô đất và như vậy thì anh K sẽ không còn đất để ở và sau này các con của anh K lớn lên cũng không có đất để ở. Điều này là không có căn cứ, cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ, khi gia đình ông H, bà T tặng cho anh K quyền sử dụng đất, các bên không kèm theo bất cứ điều kiện nào, nên anh K có toàn quyền sử dụng và định đoạt đối với quyền sử dụng đất được tặng cho; mặt khác, đình ông H, bà T cũng không có căn cứ, cơ sở nào để cho rằng *“anh K sẽ bán lô đất, anh K sẽ không còn đất để ở và sau này các con của anh K lớn lên cũng không có đất để ở”*.

Từ những nhận định và căn cứ trên, xét yêu cầu của anh K yêu cầu gia đình ông H, bà T phải có nghĩa vụ thực hiện các thủ tục tặng cho, tách thửa để anh K đăng ký quyền sử dụng đất và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật đất đai 2003, khoản 2 Điều 170 Luật đất đai 2013; Điều 724, Điều 725 và Điều 726 Bộ luật dân sự 2005.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Ông Bùi Hoàng K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá 2.500.000 đồng ông K đã nộp (và đã chi phí xong).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Đức H, bà Bùi Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ông Bùi Hoàng K không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000852 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147; Điều 165, khoản 1 Điều 162, Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng 122, Điều 124, Điều 467, Điều 722, Điều 723, Điều 724, Điều 725 và Điều 726 Bộ luật dân sự 2005.

- Áp dụng Điều 107 Luật đất đai 2003, Điều 170 Luật đất đai 2013;

- Áp dụng Điều 119 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật đất đai 2003

- Áp dụng khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Hoàng K. Buộc hộ ông Đặng Đức H, bà Bùi Thị T có nghĩa vụ thực hiện thủ tục tặng cho, tách thửa cho anh Bùi Hoàng K, để anh K kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 162m², chiều ngang 6m, chiều dài 27m; diện tích đất này nằm trong lô đất có diện tích 3.190m², thửa đất số 151, tờ bản đồ số 04; có Giấy CNQSD đất số D0443942, do UBND Tp. Buôn Ma Thuột cấp ngày 28/11/1995, đứng tên hộ ông Đặng Đức H, bà Bùi Thị T, tại thôn 8, xã Hòa Thắng, Tp. Buôn Ma Thuột.

Diện tích đất có vị trí tứ cận:

Phía đông giáp đất còn lại của hộ ông H, bà T, dài 27m;

Phía tây giáp đất ông Bùi Hoàng K, dài 27m;

Phía nam giáp đường liên thôn, dài 6m;

Phía bắc giáp đất ông còn lại của hộ ông H, bà T, dài 6m.

- Ông Bùi Hoàng K có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích được tặng cho trên và chịu mọi khoản thuế, phí, chi phí liên quan và chuyển đổi mục đích sử dụng đất (nếu có).

[2] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản: Ông Bùi Hoàng K tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá 2.500.000 đồng ông K đã nộp (và đã chi phí xong).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Đức H, bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Bùi Hoàng K số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000852 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. BMT;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

PHAN ĐÌNH HẢI